TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2020
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Thành Hưng.
Ông Nguyễn Tăng Gô.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 17 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị H - Sinh năm 1993 - Địa chỉ: ấp T1, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15-7-2020).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T - Sinh năm 1980 - Địa chỉ: ấp H1, xã B, huyện Đ, tỉnh L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25-9-2019, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn bà Phạm Thị H trình bày: bà H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 19-01-2011 tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã B, huyện Đ, tỉnh L. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T thường uống rượu và có lời lẻ xúc phạm bà H. Đến ngày 16-9-2019, bà H về nhà cha mẹ ruột sống và ly thân với ông T đến nay.

Về hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị T V (sinh ngày 17-5-2010) và Nguyễn Văn K (sinh ngày 15-8-2014). Hiện cả 02 con chung đang do bà H trực

tiếp nuôi dưỡng. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa. Tại bản tự khai ngày 28-4-2020, ông T khai thống nhất với lời khai của bà H về điều kiện kết hôn, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân, 02 con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, không có tài sản chung và nợ chung. Ông T không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Ông T yêu cầu trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Văn T. Ông T cư trú tại huyện Đ, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bà H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của bà H: bà H và ông T xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 19-01-2011 tại UBND xã B, huyện Đ, tỉnh Long An nên quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình. Về nguyên nhân mâu thuẫn do sau khi uống rượu, ông T đã có lời nói xúc phạm bà H nên bà H và ông T đã ly thân từ tháng 6 năm 2019 đến nay. Ông T không đồng ý ly hôn nhưng Tòa án đã triệu tập ông T để hòa giải hai lần mà ông T vẫn vắng mặt và vắng mặt tại phiên tòa vì vậy không có cơ hội cho bà H và ông T đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa bà H và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà H có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà H và ông T đều yêu cầu trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu người còn lại cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy hiện cả 02 con chung tên Nguyễn Thị T V (sinh ngày 17-5-2010) và Nguyễn Văn K (sinh ngày 15-8-2014) đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. T V thể hiện nguyện vọng muốn sống chung với bà H. Ông T cũng yêu cầu nuôi con chung nhưng không trình bày và chứng minh về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con chung cụ thể như thế nào. Do đó để đảm bảo quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và sự ổn định để phát triển tốt nhất cho con chung thì giao cả 02 con chung cho bà H nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H không

yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là sự tự định đoạt của bà H, Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông T cho rằng không có tài sản chung, không có nợ chung. Bà H và ông T đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H đối với ông Nguyễn Văn T về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: bà Phạm Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Phạm Thị H được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị T V (sinh ngày 17-5-2010) và Nguyễn Văn K (sinh ngày 15-8-2014). Hiện cả 02 con chung đang do bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, bà H và ông T được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: bà H và ông T khai không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng

án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004866 ngày 16-12-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Bình Hòa Bắc (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.